

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
VẮCXIN VÀ SINH PHẨM NHA TRANG**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**  
**FAC AUDITING CO., LTD**

Website : [www.kientoan.net.vn](http://www.kientoan.net.vn)

## **MỤC LỤC**

	<u>Trang</u>
<b>1. MỤC LỤC</b>	<b>1</b>
<b>2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>4</b>
<b>4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<b>4.1 Bảng cân đối kế toán</b>	<b>5 - 8</b>
<b>4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>	<b>9</b>
<b>4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>	<b>10 - 11</b>
<b>4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính</b>	<b>12 - 25</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vắc xin và Sinh phẩm số 2 theo Quyết định số 2329/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4200451832 ngày 13 tháng 7 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4200451832 ngày 02 tháng 8 năm 2014 chuẩn y cho việc bổ sung thêm địa điểm kinh doanh.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 37121000342 ngày 02 tháng 5 năm 2012 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 1 số 37121000342 ngày 27 tháng 7 năm 2012 cho phép thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Vắc xin - Sinh phẩm GMP - WHO tại thôn Cây Xoài, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa trên diện tích đất khoảng 100.000 m<sup>2</sup> với tổng vốn đầu tư khoảng 40 tỷ đồng. Thời hạn thực hiện dự án là 30 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Vốn điều lệ của Công ty là 25.402.076.412 đồng và không đổi qua các lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chủ sở hữu của Công ty là Bộ Y tế, địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 26 Hàn Thuyên, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : (058) 3.813.067 Fax : (058) 3.828.135

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 8 năm 2014 bao gồm: Sản xuất Vắc Xin và sinh phẩm y tế (chế phẩm sinh học dùng cho người); Sản xuất thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm chức năng; Sản xuất mỹ phẩm; Bán buôn Vắc Xin và sinh phẩm y tế (chế phẩm sinh học dùng cho người); Bán buôn mỹ phẩm; Bán buôn thực phẩm (thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm chức năng); Ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất Vắc Xin và sinh phẩm y tế (chế phẩm sinh học dùng cho người).

### **Đơn vị trực thuộc Công ty**

#### **► Nhà máy sản xuất - Công ty TNHH Một thành viên Vắc xin và Sinh phẩm Nha trang**

Địa chỉ: thôn Cây Xoài, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 25).

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NHA TRANG

26 Hàn Thuyên, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### CHỦ TỊCH, BAN GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Võ Tấn Sơn	Chủ tịch Công ty	Bổ nhiệm ngày 07/06/2011
Ông Nguyễn Thành Long	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/06/2011
Ông Cao Quang Minh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/06/2011
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/10/2014
Ông Võ Văn Ngữ	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 07/06/2011
Ông Trần Thanh Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/06/2011

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập và trình bày báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

#### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Nguyễn Thành Long**

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2015

Số : 004/2015/BCTC-FACNT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi :** **Chủ tịch và Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH Một thành viên Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ("Công ty"), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2015, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC**  
**CHI NHÁNH NHA TRANG**



**Nguyễn Thịnh - Giám đốc**

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0473-2013-099-1

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2015



**Phạm Tiến Nhân - Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 3096-2015-099-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>15.979.302.681</b>	<b>21.671.284.525</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV. 1</b>	<b>4.689.292.965</b>	<b>6.732.424.875</b>
1. Tiền	111		1.351.225.923	2.567.039.983
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.338.067.042	4.165.384.892
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.686.669.445</b>	<b>6.193.014.886</b>
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 2	3.843.183.691	4.586.325.556
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 3	227.700.000	1.854.820.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		26.214.746	6.471.530
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 4	(410.428.992)	(254.603.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.412.568.503</b>	<b>5.423.467.723</b>
1. Hàng tồn kho	141	IV. 5	4.412.568.503	5.423.467.723
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.190.771.768</b>	<b>3.322.377.041</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.143.571.768	3.147.136.706
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 6	47.200.000	175.240.335

**CÔNG TY TNHH MTV VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NHA TRANG**

26 Hàn Thuyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.399.269.831</b>	<b>43.681.369.434</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.970.525.310</b>	<b>43.187.189.855</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 7	43.032.426.310	3.578.460.243
<i>Nguyên giá</i>	222		58.739.250.145	15.592.475.431
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.706.823.835)	(12.014.015.188)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 8	1.938.099.000	1.938.099.000
<i>Nguyên giá</i>	228		1.938.099.000	1.938.099.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 9	-	37.670.630.612
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>428.744.521</b>	<b>494.179.579</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 10	428.744.521	494.179.579
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>61.378.572.512</b>	<b>65.352.653.959</b>

**CÔNG TY TNHH MTV VẮC XIN VÀ SINH PHẨM NHA TRANG**

26 Hàn Thuyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>25.978.262.948</b>	<b>29.502.265.348</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.256.262.948</b>	<b>13.780.265.348</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 11	2.000.000.000	3.027.019.740
2. Phải trả người bán	312	IV. 12	3.160.621.180	5.193.708.746
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 13	359.002.361	772.657.857
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 14	286.208.443	231.006.055
5. Phải trả người lao động	315		4.131.352.543	3.158.301.569
6. Chi phí phải trả	316	IV. 15	326.794.236	356.213.612
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	13.531.884
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 16	992.284.185	1.027.825.885
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.722.000.000</b>	<b>15.722.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 17	14.722.000.000	15.722.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>35.400.309.564</b>	<b>35.850.388.611</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>35.400.309.564</b>	<b>35.850.388.611</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 18	25.402.076.412	25.402.076.412
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	IV. 18	263.465.157	263.465.157
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 18	5.802.876.679	5.802.876.679
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 18	1.149.160.321	1.248.649.186
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 18	2.782.730.995	3.133.321.177
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>61.378.572.512</b>	<b>65.352.653.959</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014		01/01/2014	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		-	
5. Ngoại tệ các loại					
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		202,01		201,77	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2015



**Trần Thanh Hải**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thành Long**  
Giám đốc

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	35.290.603.251	30.120.764.640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	3.901.845.226	3.635.412.266
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	31.388.758.025	26.485.352.374
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	16.384.074.582	12.868.888.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.004.683.443	13.616.464.009
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	190.575.126	345.597.418
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	1.972.962.131	150.237.978
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.972.962.131	113.707.495
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	1.667.753.752	1.513.631.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	10.716.711.928	10.197.582.949
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		837.830.758	2.100.609.282
11. Thu nhập khác	31	V. 7	20.933.547	9.876.902
12. Chi phí khác	32	V. 8	279.281.844	9.894.525
13. Lợi nhuận khác	40		(258.348.297)	(17.623)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		579.482.461	2.100.591.659
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 9	188.794.589	525.147.915
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		390.687.872	1.575.443.744

Trần Thanh Hải  
Kế toán trưởng



Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2015

Nguyễn Thành Long  
Giám đốc

Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>579.482.461</b>	<b>2.100.591.659</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 7	4.414.045.593	1.049.630.916
- Các khoản dự phòng	03		155.825.992	254.603.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(190.575.126)	(345.597.418)
- Chi phí lãi vay	06		1.972.962.131	113.707.495
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.931.741.051</b>	<b>3.172.935.652</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		758.350.057	(586.188.741)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.010.899.220	2.125.697.475
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(754.293.387)	3.524.871.273
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		71.826.730	(83.167.462)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.844.572.419)	(133.701.434)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(469.727.693)	(240.770.656)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(625.787.191)	(1.193.647.398)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.078.436.368</b>	<b>6.586.028.709</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.285.123.664)	(14.671.132.421)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		190.575.126	345.597.418
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.094.548.538)</b>	<b>(14.325.535.003)</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.303.598.445	9.103.936.917
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.330.618.185)	(4.624.594.667)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.027.019.740)</b>	<b>4.479.342.250</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.043.131.910)</b>	<b>(3.260.164.044)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>IV. 1</b>	<b>6.732.424.875</b>	<b>9.992.588.919</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>IV. 1</b>	<b>4.689.292.965</b>	<b>6.732.424.875</b>



**Trần Thanh Hải**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thành Long**  
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

### I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang ("Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Vắc xin và Sinh phẩm số 2 theo Quyết định số 2329/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4200451832 ngày 13 tháng 7 năm 2011.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 4200451832 ngày 02 tháng 8 năm 2014 chuẩn y cho việc bổ sung thêm địa điểm kinh doanh.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 37121000342 ngày 02 tháng 5 năm 2012 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 1 số 37121000342 ngày 27 tháng 7 năm 2012 cho phép thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Vắc xin - Sinh phẩm GMP - WHO tại thôn Cây Xoài, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa trên diện tích đất khoảng 100.000 m<sup>2</sup> với tổng vốn đầu tư khoảng 40 tỷ đồng. Thời hạn thực hiện dự án là 30 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Vốn điều lệ của Công ty là 25.402.076.412 đồng và không đổi qua các lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chủ sở hữu của Công ty là Bộ Y tế, địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 02 tháng 8 năm 2014 bao gồm: Sản xuất Vắc Xin và sinh phẩm y tế (chế phẩm sinh học dùng cho người); Sản xuất thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm chức năng; Sản xuất mỹ phẩm; Bán buôn Vắc Xin và sinh phẩm y tế (chế phẩm sinh học dùng cho người); Bán buôn mỹ phẩm; Bán buôn thực phẩm (thực phẩm bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm chức năng); Ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất Vắc Xin và sinh phẩm y tế (chế phẩm sinh học dùng cho người).

Trụ sở của Công ty đặt tại số 26 Hàn Thuyên, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 65 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 82 người).

### II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKT") có liên quan do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn CMKT Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu CMKT Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu CMKT Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu CMKT Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn CMKT Việt Nam (Đợt 5).

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### 2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

#### 3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**6. Khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**7. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**9. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

**10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**12. Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn Ngân sách Nhà nước cấp được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư và do doanh nghiệp tự bổ sung.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

#### 15. Công cụ tài chính

##### **Ghi nhận ban đầu và trình bày**

##### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác và các khoản vay ngân hàng.

##### **Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.



**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Tiền mặt tại quỹ	13.520.185	50.905.132
Tiền gửi ngân hàng	1.337.705.738	2.516.134.851
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	3.338.067.042	4.165.384.892
<b>Cộng</b>	<b>4.689.292.965</b>	<b>6.732.424.875</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Công ty Cổ phần Vinapha	1.084.995.226	1.260.541.470
Công ty Cổ phần Dược phẩm Titan	602.999.718	848.676.718
Công ty TNHH Dược phẩm Việt Hùng	793.592.356	681.171.072
Phải thu các khách hàng khác tiền bán hàng hóa	1.361.596.391	1.795.936.296
<b>Cộng</b>	<b>3.843.183.691</b>	<b>4.586.325.556</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Trả trước tiền cho các nhà thầu, nhà cung cấp phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản	-	1.624.285.800
Trả trước tiền cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	227.700.000	230.535.000
<b>Cộng</b>	<b>227.700.000</b>	<b>1.854.820.800</b>

**4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Titan	254.603.000	254.603.000
Các khách hàng khác	155.825.992	-
<b>Cộng</b>	<b>410.428.992</b>	<b>254.603.000</b>

**5. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.822.946.421	3.665.218.648
Thành phẩm tồn kho	1.589.622.082	1.758.249.075
<b>Cộng</b>	<b>4.412.568.503</b>	<b>5.423.467.723</b>

**6. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	102.117.335
Tạm ứng của cán bộ nhân viên	47.200.000	67.223.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	5.900.000
<b>Cộng</b>	<b>47.200.000</b>	<b>175.240.335</b>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại 01/01/2014	303.127.470	14.421.015.867	384.545.591	483.786.503	15.592.475.431
Đầu tư hoàn thành	28.920.162.210	13.928.468.464	1.025.772.658	-	43.874.403.332
Phân loại lại	-	(375.275.522)	-	(352.353.096)	(727.628.618)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>29.223.289.680</b>	<b>27.974.208.809</b>	<b>1.410.318.249</b>	<b>131.433.407</b>	<b>58.739.250.145</b>
Trong đó đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	211.660.000	5.524.787.708	384.545.591	131.433.407	6.252.426.706
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Tại 01/01/2014	278.959.533	10.870.001.337	384.545.591	480.508.727	12.014.015.188
Trích khấu hao	1.911.451.050	2.420.402.547	78.914.220	3.277.776	4.414.045.593
Phân loại lại	-	(368.883.850)	-	(352.353.096)	(721.236.946)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>2.190.410.583</b>	<b>12.921.520.034</b>	<b>463.459.811</b>	<b>131.433.407</b>	<b>15.706.823.835</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại 01/01/2014	24.167.937	3.551.014.530	-	3.277.776	3.578.460.243
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>27.032.879.097</b>	<b>15.052.688.775</b>	<b>946.858.438</b>	<b>-</b>	<b>43.032.426.310</b>

Một số tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số IV.11 và IV.17).

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/01	1.938.099.000	-	1.938.099.000
Tăng trong năm	-	-	-
<b>Tại 31/12</b>	<b>1.938.099.000</b>	<b>-</b>	<b>1.938.099.000</b>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy sản xuất Vắc xin - Sinh phẩm GMP-WHO	-	37.670.630.612
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>37.670.630.612</b>

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ	256.050.117	303.893.236
Chi phí trả trước dài hạn khác	172.694.404	190.286.343
<b>Cộng</b>	<b>428.744.521</b>	<b>494.179.579</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	01/01/2014	Số tiền vay trong năm / Vay dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2014
Vay ngắn hạn Vietinbank Khánh Hòa	1.627.019.740	1.303.598.445	2.930.618.185	-
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh IV.17)	1.400.000.000	2.000.000.000	1.400.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.027.019.740</b>	<b>3.303.598.445</b>	<b>4.330.618.185</b>	<b>2.000.000.000</b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ("Vietinbank Khánh Hòa") với hạn mức vay 5 tỷ đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh; thời gian vay là 12 tháng, thời hạn cho vay từng lần không quá 6 tháng; lãi suất cho vay thả nổi theo thị trường. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay (bao gồm vay ngắn hạn và vay dài hạn) tại Vietinbank Khánh Hòa được trình bày tại thuyết minh IV.17.

**12. Phải trả người bán**

	31/12/2014	01/01/2014
Phải trả cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản	1.269.947.300	1.805.070.349
Phải trả cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	1.890.673.880	3.388.638.397
<b>Cộng</b>	<b>3.160.621.180</b>	<b>5.193.708.746</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2014	01/01/2014
Khách hàng trả trước tiền bán hàng hóa	359.002.361	772.657.857
<b>Cộng</b>	<b>359.002.361</b>	<b>772.657.857</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	199.557.619	199.557.619	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	695.000	695.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	225.370.708	339.827.152	469.727.693	95.470.167
Thuế thu nhập cá nhân	5.635.347	48.588.249	37.068.820	17.154.776
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	511.585.200	338.001.700	173.583.500
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>231.006.055</b>	<b>1.103.253.220</b>	<b>1.048.050.832</b>	<b>286.208.443</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Thuốc thành phẩm 5%
- Các sản phẩm và dịch vụ khác 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh III.13 và thuyết minh V.9.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

**15. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
Chi phí lãi vay	138.246.637	180.370.620
Trích trước các khoản chi phí kinh doanh khác	188.547.599	175.842.992
<b>Cộng</b>	<b>326.794.236</b>	<b>356.213.612</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
Tại 01/01	1.027.825.885	1.466.473.283
Trích từ lợi nhuận sau thuế	390.687.872	655.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(426.229.572)	(1.093.647.398)
<b>Tại 31/12</b>	<b>992.284.185</b>	<b>1.027.825.885</b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	<b>01/01/2014</b>	<b>Số tiền vay trong năm</b>	<b>Chuyển sang vay đến hạn trả</b>	<b>31/12/2014</b>
Vietinbank Khánh Hòa	15.722.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	14.722.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.722.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>14.722.000.000</b>

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ("Vietinbank Khánh Hòa") theo Hợp đồng tín dụng số 171/HĐTĐ/KHDN ngày 27/06/2012 với số tiền vay là 20 tỷ đồng để đầu tư Nhà máy sản xuất Vắc xin và Sinh phẩm GMP-WHO. Thời hạn cho vay là 102 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; thời gian ân hạn là 12 tháng; thời gian trả nợ là 90 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại ngày 31/12/2014 là 9,5%/năm.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay bao gồm: (i) Toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất của Công ty; (ii) Toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại 26 Hàn Thuyên, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang; (iii) Toàn bộ tài sản hình thành theo dự án "Nhà máy sản xuất Vắc xin - Sinh phẩm GMP - WHO" tại thôn Cây Xoài, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

**18. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2013	25.402.076.412	263.465.157	5.330.243.556	1.248.649.186	2.785.510.556	35.029.944.867
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	-	-	-	-	1.575.443.744	1.575.443.744
Trích quỹ trong năm	-	-	472.633.123	-	(1.127.633.123)	(655.000.000)
Nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>25.402.076.412</b>	<b>263.465.157</b>	<b>5.802.876.679</b>	<b>1.248.649.186</b>	<b>3.133.321.177</b>	<b>35.850.388.611</b>
Tại 01/01/2014	25.402.076.412	263.465.157	5.802.876.679	1.248.649.186	3.133.321.177	35.850.388.611
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	-	-	-	-	390.687.872	390.687.872
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	(390.687.872)	(390.687.872)
Xử lý công nợ	-	-	-	(99.488.865)	-	(99.488.865)
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	-	-	-	(350.590.182)	(350.590.182)
<b>Tại 31/12/2014</b>	<b>25.402.076.412</b>	<b>263.465.157</b>	<b>5.802.876.679</b>	<b>1.149.160.321</b>	<b>2.782.730.995</b>	<b>35.400.309.564</b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
<b>Tổng doanh thu bán thành phẩm</b>	<b>35.290.603.251</b>	<b>30.120.764.640</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>3.901.845.226</b>	<b>3.635.412.266</b>
- Chiết khấu thương mại	3.663.799.220	2.994.495.195
- Hàng bán bị trả lại	238.046.006	640.917.071
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>31.388.758.025</b>	<b>26.485.352.374</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn bán thành phẩm	16.384.074.582	12.868.888.365
<b>Cộng</b>	<b>16.384.074.582</b>	<b>12.868.888.365</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi ngân hàng	190.575.126	345.597.418
<b>Cộng</b>	<b>190.575.126</b>	<b>345.597.418</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	1.972.962.131	113.707.495
Chi phí tài chính khác	-	36.530.483
<b>Cộng</b>	<b>1.972.962.131</b>	<b>150.237.978</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
Chi phí cho nhân viên	626.931.240	596.085.093
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	441.818	13.898.183
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.636.360	33.636.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.508.672	731.000
Chi phí khác bằng tiền	766.235.662	869.280.582
<b>Cộng</b>	<b>1.667.753.752</b>	<b>1.513.631.218</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
Chi phí cho nhân viên	6.586.780.398	5.799.083.400
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	283.050.543	161.419.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	751.113.608	824.961.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	840.030.722	1.557.961.881
Chi phí khác bằng tiền	2.255.736.657	1.854.157.167
<b>Cộng</b>	<b>10.716.711.928</b>	<b>10.197.582.949</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
Thu tiền vi phạm hợp đồng	19.383.000	6.895.021
Thu nhập khác	1.550.547	2.981.881
<b>Cộng</b>	<b>20.933.547</b>	<b>9.876.902</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
Tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	278.674.763	-
Chi phí khác	607.081	9.894.525
<b>Cộng</b>	<b>279.281.844</b>	<b>9.894.525</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>579.482.461</b>	<b>2.100.591.659</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	278.674.763	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>858.157.224</b>	<b>2.100.591.659</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>188.794.589</b>	<b>525.147.915</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.580.010.847	9.563.348.681
Chi phí nhân công	7.866.731.928	7.011.874.323
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.414.045.593	1.151.542.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.556.991.959	1.735.127.881
Chi phí khác bằng tiền	3.182.132.942	3.110.552.712
<b>Cộng</b>	<b>28.599.913.269</b>	<b>22.572.446.595</b>

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2014	Năm 2013
<b>Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng</b>		
Tiền lương, tiền thưởng	1.264.229.564	892.143.517

### 2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản vay ngân hàng, phải trả người bán và phải trả khác phát sinh trực tiếp từ các hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

#### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

*Phải thu khách hàng*

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Các khoản vay và nợ	3.027.019.740	10.000.000.000	5.722.000.000	18.749.019.740
Phải trả người bán	5.193.708.746	-	-	5.193.708.746
Chi phí phải trả	356.213.612	-	-	356.213.612
Các khoản phải trả khác	13.531.884	-	-	13.531.884
<b>Cộng</b>	<b>8.590.473.982</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>5.722.000.000</b>	<b>24.312.473.982</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Các khoản vay và nợ	2.000.000.000	12.500.000.000	2.222.000.000	16.722.000.000
Phải trả người bán	3.160.621.180	-	-	3.160.621.180
Chi phí phải trả	326.794.236	-	-	326.794.236
<b>Cộng</b>	<b>5.487.415.416</b>	<b>12.500.000.000</b>	<b>2.222.000.000</b>	<b>20.209.415.416</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn.



**3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014	01/01/2014
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn	1.351.225.923	-	2.567.039.983	-	1.351.225.923	2.567.039.983
Tiền gửi có kỳ hạn	3.338.067.042	-	4.165.384.892	-	3.338.067.042	4.165.384.892
Phải thu khách hàng	3.843.183.691	(410.428.992)	4.586.325.556	(254.603.000)	3.432.754.699	4.331.722.556
Phải thu khác	26.214.746	-	6.471.530	-	26.214.746	6.471.530
<b>Cộng</b>	<b>8.558.691.402</b>	<b>(410.428.992)</b>	<b>11.325.221.961</b>	<b>(254.603.000)</b>	<b>8.148.262.410</b>	<b>11.070.618.961</b>

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Các khoản vay và nợ	16.722.000.000	18.749.019.740	16.722.000.000
Phải trả người bán	3.160.621.180	5.193.708.746	3.160.621.180	5.193.708.746
Chi phí phải trả	326.794.236	356.213.612	326.794.236	356.213.612
Các khoản phải trả khác	-	13.531.884	-	13.531.884
<b>Cộng</b>	<b>20.209.415.416</b>	<b>24.312.473.982</b>	<b>20.209.415.416</b>	<b>24.312.473.982</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoài trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31/12/2014, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao, các khoản vay ngân hàng này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**4. Số liệu so sánh**

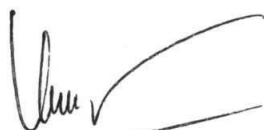
Số liệu so sánh trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán của công ty này đề ngày 10 tháng 3 năm 2014 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Một vài số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm nay.

**5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2015



**Trần Thanh Hải**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thành Long**  
Giám đốc